TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HC-PT
Ngày: 30/01/2024
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tiến**

ông **Vũ Thanh Liêm**

***- Thư ký phiên tòa*:** bà **Đinh Thị Thanh Yên** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 371/2023/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC- ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 593/2024/QĐPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện*:** Công ty Cổ phần Tổng công ty Đầu tư Xây dựng X

Địa chỉ trụ sở chính: thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Kiều Anh V.

Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người bị kiện: Cục Thuế tỉnh Gia Lai

Địa chỉ trụ sở:, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quang T - Phó Cục trưởng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Lê T - Phó trưởng phòng Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Đình T – Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thuế khu vực S - P.

Địa chỉ trụ sở:, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Khắc H - Phó Chi cục trưởng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện là Công ty Cổ phần Tổng công ty Đầu tư Xây dựng X (sau đây ghi tắt là Công ty X) trình bày:

Năm 2008, Công ty X đã đăng ký thực hiện Dự án đầu tư trồng cây cao su tại địa bàn xã I, huyện S, tỉnh Gia Lai (nay thuộc huyện P, tỉnh Gia Lai). Ngày 08/9/2008, trên cơ sở ủy quyền của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) tỉnh Gia Lai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 704/QĐ-SNN về việc phê duyệt Phê duyệt Dự án đầu tư trồng cây cao su tại địa bàn xã I, huyện P của Công ty. Ngày 04/02/2010, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc cho Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng X thuê đất để quản lý và sản xuất kinh doanh cây cao su, tại xã I, huyện P, với diện tích thuê là 480,6990 ha; thời gian thuê đất là 30 năm (kể từ ngày 03/4/2008); đơn giá thuê đất theo khung giá của UBND tỉnh.

Ngày 10/3/2010, Công ty X được UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000103, nêu rõ các ưu đãi mà Công ty được hưởng: Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động; được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư khác của UBND tỉnh Gia Lai theo Quyết định 84/2007/QĐ-UBND ngày 27/8/2007. Ngày 19/3/2010, Công ty X và UBND tỉnh Gia Lai (do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện) đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ, diện tích thuê: 480,6990 ha, thời hạn thuê đến hết ngày 03/4/2038. Ngày 17/5/2010, Công ty X được UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 451174.

Ngày 04/6/2010, Công ty X đã thực hiện thủ tục nộp hồ sơ miễn tiền thuê đất cho Chi cục Thuế huyện P. Hồ sơ gồm: văn bản số 67/CV-X đề nghị miễn (giảm) thuế (miễn tiền thuê đất) và đầy đủ các tài liệu kèm theo. Chi cục Thuế huyện P đã nhận được hồ sơ của Công ty. Từ sau khi nộp hồ sơ như nêu trên, Công ty không nhận được bất kỳ thông báo, yêu cầu bổ sung hồ sơ nào. Do đó, Công ty hiểu rằng hồ sơ của Công ty đã nộp là hợp lệ, Công ty đã được miễn tiền thuê đất. Đến tháng 9/2021, Công ty X nhận được Thông báo số 1144/TB-CCT ngày 08/9/2021 của Chi cục Thuế Khu vực S - P về việc nộp tiền thuê đất. Công ty đã có nhiều văn bản gửi cho Chi cục Thuế khu vực S - P, Cục Thuế tỉnh Gia Lai, cũng như có nhiều buổi gặp và làm việc trực tiếp liên quan đến việc miễn, giảm tiền thuê đất. Ngày 11/7/2022, Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành văn bản số 1320/CTGLA-HKDCN và cho rằng Công ty X nộp bổ sung Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ ngày 19/3/2010 vào ngày 29/6/2022 nên không được miễn tiền thuê đất.

Ngày 20/7/2022, Cục Thuế tỉnh Gia Lai đã ban hành Thông báo tiền thuế nợ số 2643/TB-CTGLA-KĐT, xác định Công ty X nợ tiền thuê đất và trả tiền phạt nộp chậm đến ngày 31/5/2022 là: 6.915.000.310 đồng.

Công ty X hoàn toàn thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật và đã được xác định rõ trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000103 ngày 10/3/2010 do UBND tỉnh Gia Lai cấp cho Công ty. Công ty đã thực hiện thủ tục để được hưởng miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật từ năm 2010 với đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ đã được ký ngày 19/3/2010 và Công ty đã nộp cho Chi cục Thuế huyện P. Tại Điều 7 của Hợp đồng thuê đất này cũng quy định rõ "*Hợp đồng này được lập thành 4 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản và gửi đến cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất"*. Việc Cơ quan thuế cho rằng hồ sơ không có Hợp đồng thuê đất, từ đó không chấp nhận miễn tiền thuê đất cho Công ty là không phù hợp với sự thật khách quan của vụ việc là có tồn tại Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ đã được ký ngày 19/3/2010 đã được ký kết giữa Công ty và UBND tỉnh Gia Lai (Sở Tài nguyên và Môi trường). Công ty X đã thực hiện thủ tục miễn tiền thuê đất từ năm 2010 và đã được cơ quan thuế nhận hồ sơ, không có bất kỳ yêu cầu sửa đổi, bổ sung nào.Việc hiện nay cơ quan thuế kiểm tra lại không thấy Hợp đồng thuê đất trong hồ sơ, không có Hợp đồng thuê đất tại cơ quan có thể xuất phát từ nguyên nhân quản lý hồ sơ của cơ quan thuế.

Vì vậy, Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo tiền thuế nợ số 2643/TB-CTGLA-KĐT ngày 20/7/2022 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai và các quyết định hành chính khác có liên quan.

2. Người bị kiện là Cục Thuế tỉnh Gia Lai trình bày:

Thông báo tiền thuế nợ số 2643 ngày 20/7/2022 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai là số tiền thuê đất mà Công ty X chưa nộp tại Thông báo về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước số 1371/TB-CCT ngày 25/10/2021 của Chi cục Thuế khu vực S - P sau khi trừ tiền thuê đất được miễn giảm tại Quyết định số 2581/QĐ-CTGLA ngày 23/11/2021 "Về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Tổng công ty đầu tư xây dựng X" của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai.

Thông báo số 2643 được ban hành theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính; điểm b khoản 1 Mục IV phần 2 Quy trình Quản lý nợ thuế (Ban hành kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 của Tổng cục trưởng Cục thuế). Đúng mẫu số 01/TTN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo số liệu trên hệ thống quản lý thuế, đến ngày 30/6/2022, Công ty X còn nợ 6.915.000.310 đồng tiền thuê đất, thời gian nợ trên 31 ngày nên ngày 20/7/2022 Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành Thông báo số 2643 để đôn đốc thu tiền nợ thuế là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Công ty X đề nghị Tòa án hủy Thông báo tiền thuế nợ số 2643 là không có căn cứ pháp lý, Cục Thuế tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên Thông báo nợ thuế, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Căn cứ ban hành quyết định hành chính có liên quan:

- Căn cứ ban hành Thông báo về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước số 1371/TB-CCT ngày 25/10/2021.

Ngày 06/7/2021, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai có Phiếu chuyển số 294/PCTTĐC về thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính; ngày 13/7/2021, Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành Thông báo số 1023/TB-CTGLA về đơn giá thuê đất;

Ngày 24/8/2021, Sở Tài chính tỉnh Gia Lai đã ban hành đơn giá thuê đất số 357/TB-STC (chu kỳ ổn định đơn giá từ ngày 03/4/2008 đến ngày 02/4/2013). Ngày 08/9/2021, Chi cục Thuế khu vực S - P ban hành Thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước số 1144/TB-CCT về thông báo nộp tiền thuê đất; ngày 24/8/2021, Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành Thông báo số 1480/TB-CTGLA về việc điều chỉnh Thông báo số 1023/TB-CTGLA ngày 13/7/2021 nên ngày 25/10/2021, Chi cục Thuế khu vực S - P ban hành Thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước số 1371/TB-CCT thay thế cho Thông báo số 1144/TB-CCT.

- Căn cứ ban hành Quyết định miễn giảm tiền thuê đất số 2581/QĐ-CTGLA ngày 23/11/2021.

Căn cứ khoản 7 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ (sửa đổi Điều 21 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014) thì thành phần hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất không bắt buộc phải có Hợp đồng thuê đất. Trên cơ sở Tờ trình số 1369/TTr-CCT ngày 25/10/2021 của Chi cục Thuế khu vực S - P về miễn tiền thuê đất kèm hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất của Công ty X, Thông báo số 357/TB-STC ngày 24/8/2021 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai, Thông báo số 1480/TB-CTGLA ngày 24/8/2021 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định miễn giảm tiền thuê đất số 2581/QĐ-CTGLA ngày 23/11/2021.

Công ty X đã nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất 3 lần vào các năm 2010, 2016 và năm 2021. Tuy nhiên, danh mục các tài liệu trong hồ sơ lần 1 và 2 không có Hợp đồng số 23/HĐTĐ ngày 19/3/2010. Vì vậy, Cơ quan Thuế căn cứ theo quy định tại Mục XI Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính; khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ bổ sung khoản 16, khoản 17 Điều 31 của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 2 Điều 5 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính, cơ quan Thuế không giải quyết miễn, giảm tiền thuê đất theo đề nghị của Công ty X. Hồ sơ đề nghị lần 3 Công ty nộp đầy đủ nên cơ quan Thuế đã giải quyết miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian còn lại tại Quyết định số 2518/QĐ-CTGLA ngày 23/11/2014.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục Thuế khu vực S - P trình bày:

Năm 2010, Công ty X đã gửi hồ sơ đề nghị miễn giảm tiền thuê đất đến Chi cục Thuế huyện P. Tuy nhiên, do không có hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, không có đơn giá thuê đất, không có Hợp đồng thuê đất nên Chi cục Thuế không

có đủ cơ sở trình Cục thuế miễn giảm tiền thuê đất cho đơn vị, Chi cục Thuế đã trực tiếp yêu cầu Công ty X bổ sung.

Ngày 29/6/2022, Công ty X mới bổ sung Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ ngày 19/3/2010 cho Cục Thuế tỉnh Gia Lai.

Mặt khác, từ năm 2008 đến 05/7/2021 (ngày 06/7/2021, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai mới có phiếu chuyển thông tin số 294/PCTTĐC về thông tin thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính), lô đất diện tích 480,699 ha không có phiếu thông tin xác định nghĩa vụ tài chính của Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh chuyển cho cơ quan thuế. Trách nhiệm này thuộc về Công ty X theo quy định tại mục I, Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/4/2005l Điều 9, mục 2, Chương II Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất. Từ đó dẫn đến cơ quan thuế không nhận được đơn giá thuê đất của lô đất trên của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai chuyển đến để ra Thông báo tiền thuê đất hoặc làm thủ tục miễn, giảm.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC- ST ngày 27 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Quản lý Thuế năm 2019; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/4/2005; Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tổng công ty Đầu tư Xây dựng X. Hủy Thông báo tiền thuế nợ số 2643/TB-CTGLA-KĐT ngày 20/7/2022 của Cục thuế tỉnh Gia Lai và các quyết định hành chính có liên quan, bao gồm:

- Các Thông báo do Chi cục Thuế khu vực S – P ban hành gồm: Thông báo về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước số 1144/TB-CCT ngày 08/9/2021; Thông báo về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước số 1371/TB-CCT ngày 25/10/2021; Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 2134/TB-07/QLN ngày 24/01/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 9138/TB-07/QLN ngày 21/02/2022 ; Thông báo tiền thuế nợ số 19734/TB-07/QLN ngày 14/3/2022.

- Các Thông báo của Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành gồm: Thông báo tiền thuế nợ số 2718/TB-CTGLA ngày 15/8/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 3311/TB-CTGLA ngày 19/9/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 3977/TB-CTGLA ngày 13/10/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 4492/TB-CTGLA ngày 23/11/2022; Thông

báo tiền thuế nợ số 4857/TB-CTGLA ngày 15/12/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 261/TB-CTGLA ngày 14/02/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 2127/TB-CTGLA ngày 18/5/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 2592/TB-CTGLA ngày 09/6/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 2847/TB-CTGLA ngày 07/7/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 3702/TB-CTGLA ngày 07/08/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 4086/TB-CTGLA ngày 07/9/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2023, người bị kiện Cục Thuế tỉnh Gia Lai kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, người bị kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện Cục Thuế tỉnh Gia Lai, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Xét kháng cáo của người bị kiện - Cục Thuế tỉnh Gia Lai đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án thì thấy:

[1]. Trên cơ sở Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/02/2010 của UBND tỉnh Gia Lai về việc cho Công ty Cổ phần Tổng công ty Đầu tư Xây dựng X (Công ty X) thuê diện tích 480,6990 ha đất để sản xuất kinh doanh cây cao su tại xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai, ngày 10/3/2010, Công ty X được UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000103, theo đó Công ty X được cấp Giấy chứng nhận đầu tư để thực hiện dự án "Mở rộng trồng cao su" tại xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai; thời hạn thực hiện dự án là 30 năm kể từ ngày 03/4/2008; tiến độ thực hiện dự án từ năm 2008 là trồng mới, đến năm 2014 là chăm sóc, năm 2015 là giai đoạn kinh doanh; các ưu đãi đối với dự án bao gồm: miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng dự án; được miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động và các chính sách đầu tư khác của UBND tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 84/2007/QĐ-UBND ngày 27/8/2007.

Ngày 19/3/2010, đại diện UBND tỉnh Gia Lai và Công ty X đã ký Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ, thời hạn thuê đến ngày 03/4/2038; giá thuê đất theo khung giá của UBND tỉnh Gia Lai ban hành; tiền thuê đất được tính từ ngày 04/2/2010; phương thức nộp tiền thuê đất là một lần hoặc hai lần mỗi năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000103 ngày 10/3/2010 của UBND tỉnh Gia Lai cấp, Công ty

X được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản và 11 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động. Như vậy, theo Giấy chứng nhận đầu tư và Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ nêu trên thì Công ty X được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản và 11 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động.

[2]. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty X đã thực hiện thủ tục nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất cho Chi cục Thuế huyện P 03 lần, cụ thể: lần 1 vào tháng 6/2010; lần 2 vào tháng 6/2016 và lần 3 vào tháng 10/2021. Cục Thuế tỉnh Gia Lai và Chi cục Thuế khu vực S – P cũng thừa nhận Công ty X đã nộp hồ sơ làm thủ tục miễn tiền thuê đất nhưng cho rằng hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất lần 1 và lần thứ 2 của Công ty X thiếu Hợp đồng thuê đất số 23 nên căn cứ các quy định của Chính phủ và Hướng dẫn của Bộ Tài chính về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thì Công ty X không được miễn tiền thuê đất theo hồ sơ đề nghị đã nộp lần 1 và lần 2. Cục Thuế tỉnh Gia Lai xác định lý do Công ty X không được miễn tiền thuê đất do hồ sơ thiếu Hợp đồng thuê đất số 23 là không đúng, bởi lẽ:

+ Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Mục II Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/4/2005; khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; tiểu mục 4 Mục VI Phần A của Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế thì, khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất của Công ty X, cơ quan Thuế phải kiểm tra tính đầy đủ và hợp pháp của từng loại giấy tờ có trong hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thì phải trả lại ngay cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất bổ sung hoặc cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại ngay trong ngày làm việc và hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ hoặc cơ quan Thuế phải thông báo cho người nộp hồ sơ trong ngày nhận hồ sơ đối với trường hợp trực tiếp nhận hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc thông qua giao dịch điện tử. Cơ quan Thuế đã không thực hiện đúng quy định khi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ miễn thuế của Công ty X, trách nhiệm thuộc về cơ quan Thuế.

+ Theo Giấy chứng nhận đầu tư UBND tỉnh Gia Lai cấp cho Công ty X và Hợp đồng thuê đất số 23 thì Công ty X là đối tượng được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất và Công ty X cũng đã nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất từ năm 2010. Tại Văn bản số 2899/STNMT-QHĐ ngày 14/8/2023 *"V/v cung cấp thông tin tài liệu, chứng cứ liên quan Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTĐ ngày 19/3/2010"*, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cũng xác định đã gửi Hợp đồng thuê đất số 23 cho các cơ quan có liên quan, trong đó có cơ quan Thuế. Mặt khác, trong Hợp đồng thuê đất và Quyết định cho thuê đất đều xác định các văn bản này đều được chuyển đến các cơ quan liên quan, trong đó có Cục Thuế tỉnh Gia Lai. Chi cục Thuế khu vực S – P và Cục Thuế tỉnh Gia Lai đều thừa nhận việc trong khoảng thời gian từ tháng 6/2010 đến trước ngày 08/9/2021, sau hai lần Công ty X nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất, các đơn vị này không có bất cứ thông báo nào bằng văn bản về việc bổ sung hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất (bổ sung Hợp đồng thuê

đất số 23) đối với Công ty X, mà chỉ nhắc nhở trực tiếp bằng lời nói của cán bộ nhận hồ sơ, tuy nhiên nội dung này không được Công ty X thừa nhận.

Như vậy, Công ty X là đối tượng được miễn tiền thuê đất và đã nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất nhưng không được cơ quan Thuế giải quyết miễn tiền thuê đất, Cục Thuế tỉnh Gia Lai và Chi cục Thuế khu vực S - P đã không thực hiện đúng trách nhiệm, quy định của pháp luật về việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất của Công ty X và cũng không thực hiện công tác phối hợp với các cơ quan liên quan khác để xử lý hồ sơ của Công ty X là không đúng quy định của pháp luật nhưng lại cho rằng Công ty X không được miễn tiền thuê đất để ban hành các quyết định hành chính có liên quan về việc thông báo nộp tiền thuê đất, mặt nước của Chi cục Thuế khu vực S - P; các Thông báo tiền thuế nợ do Chi cục Thuế khu vực S - P, Cục Thuế tỉnh Gia Lai đối với Công ty X là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty X.

[3]. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tổng công ty Đầu tư Xây dựng X, hủy Thông báo tiền thuế nợ số 2643/TB-CTGLA-KĐT ngày 20/7/2022 của Cục thuế tỉnh Gia Lai và các quyết định hành chính có liên quan là có cơ sở, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, Cục Thuế tỉnh Gia Lai kháng cáo nhưng không có các chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Cục Thuế tỉnh Gia Lai. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên Người bị kiện phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5]. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người bị kiện Cục Thuế tỉnh Gia Lai. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Luật Quản lý Thuế năm 2019; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/4/2005; Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tổng công ty Đầu tư Xây dựng X. Hủy Thông báo tiền thuế nợ số 2643/TB-CTGLA-KĐT ngày

20/7/2022 của Cục thuế tỉnh Gia Lai và các quyết định hành chính có liên quan, bao gồm:

- Các Thông báo do Chi cục Thuế khu vực S - P ban hành gồm: Thông báo về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước số 1144/TB-CCT ngày 08/9/2021; Thông báo về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước số 1371/TB-CCT ngày 25/10/2021; Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 2134/TB-07/QLN ngày 24/01/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 9138/TB-07/QLN ngày 21/02/2022 ; Thông báo tiền thuế nợ số 19734/TB-07/QLN ngày 14/3/2022.

- Các Thông báo của Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành gồm: Thông báo tiền thuế nợ số 2718/TB-CTGLA ngày 15/8/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 3311/TB-CTGLA ngày 19/9/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 3977/TB-CTGLA ngày 13/10/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 4492/TB-CTGLA ngày 23/11/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 4857/TB-CTGLA ngày 15/12/2022; Thông báo tiền thuế nợ số 261/TB-CTGLA ngày 14/02/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 2127/TB-CTGLA ngày 18/5/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 2592/TB-CTGLA ngày 09/6/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 2847/TB-CTGLA ngày 07/7/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 3702/TB-CTGLA ngày 07/08/2023; Thông báo tiền thuế nợ số 4086/TB-CTGLA ngày 07/9/2023.

3. Về án phí: căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Cục Thuế tỉnh Gia Lai phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000365 ngày 23/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Cục Thuế tỉnh Gia Lai đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đức Kiên